TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ THỌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 06/2020/QĐST - DS	*Thị xã Phú Thọ, ngày 17 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 19/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt nam

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đức T – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ma Thị Ngân H – Phó giám đốc Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam Chi nhánh Phú Thọ.

Địa chỉ: Phố P, phường P, thị xã P, tỉnh P.

Bị đơn: Chị Nguyễn Nữ Lưu L, sinh năm 1986.

Trú tại: Tổ 34, phố T, phường A, thị xã P. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Tiến T, sinh năm 1983.

Trú tại: Tổ 34, phố T, phường A, thị xã P. Có mặt.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Chị Nguyễn Nữ Lưu L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thị xã Phú Thọ tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 23/6/2020 là 147.399.619 đồng (Một trăm bốn mươi bẩy triệu ba trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm mười chín đồng).Trong đó nợ gốc là:132,000,000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu đồng); và lãi: 10.680.090 đồng (Mười triệu sáu trăm tám mươi nghìn không trăm chín mươi đồng) lãi phạt: 4.719.529 đồng(Bốn triệu bảy trăm mười chín nghìn năm trăm hai mươi chín đồng)

Phương thức trả nợ cụ thể như sau:

+ Ngày 30/7/2020 trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng)

+ Ngày 30/8/2020 trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng)

+ Ngày 30/9/2020 trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng)

+ Ngày 30/10/2020 trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)

+ Ngày 30/11/2020 trả 67.399.619đ (Sáu mươi bẩy triệu ba trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm mười chín đồng).

Nếu chị L vi phạm thời hạn trả nợ trên thì Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh thị xã Phú Thọ có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp động sản số 1414050/HĐTC ngày 18/4/2014 tài sản là chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA FOTE, Biển kiểm soát biển kiểm soát số: 19A- 018.26, số khung 41A6CC029809 số máy: G4FCBW469676 mang tên Lê Tiến T để xử lý khoản nợ gốc và các khoản lãi của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh thị xã Phú Thọ.

Ngân hàng tiếp tục tính lãi trên số tiền dư nợ gốc còn lại theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ cho đến ngày chị L thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Nữ Lưu L phải chịu số tiền 3.684.000 đồng (Ba triệu sáu trăm tám mươi tư nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ số tiền 3.750.000đồng (Ba triệu bẩy trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002480 ngày 08/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TX Phú Thọ;
- Chi cục THADS TX. Phú Thọ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Ngọc Hà

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....[1]	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số:...../...../QĐST-..... [2]	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	...., ngày..... tháng ..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN……..

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông (Bà)……..

Thẩm phán (nếu Hội đồng xét xử gồm có 5 người): Ông (Bà)……..

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số:…/../TLST-....(3) ngày…tháng… năm....

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:(4)

……

……

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:(5)

……

……

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(6)

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)